

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CTCP VẬN TẢI VÀ
XẾP DỠ HẢI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 0608-2020/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
Mã chứng khoán: HAH
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.39877515
Fax: 024.39444022
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Ngọc Minh
Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Hải An, km2 đường Đình Vũ, P. Đông Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng
Số điện thoại công ty: 0225.3979721
Fax: 0225.3979718
Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

“Báo cáo Tài chính bán niên đã được soát xét cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020” của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/8/2020 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính bán niên đã được soát xét cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người được ủy quyền công bố thông tin
**CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ
HẢI AN**
Nguyễn Ngọc Minh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XÉP DỠ HẢI AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 12 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 12 được cấp ngày 15 tháng 05 năm 2020 về việc thay đổi đơn vị hành chính nơi Công ty đặt trụ sở chính.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thù, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa ven biển và viễn dương;
 - Hoạt động cảng biển, bến tàu, cầu tàu;
 - Hoạt động hoa tiêu, lái dất, đưa tàu cập bến;
 - Hoạt động của trạm hải đăng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ;
 - Hoạt động các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết:
 - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển;
 - Giao nhận hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Hoạt động của các đại lý làm vận tải hàng hóa đường biển;
- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Vũ Thanh Hải	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Hải Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Quang Tiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 5 tháng 10 năm 2017
Ông Trần Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 6 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Thanh Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Ngày 19 tháng 8 năm 2020

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0461/20/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 8 năm 2020, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		440.645.909.293	412.931.797.328
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	137.453.568.093	180.212.617.667
1. Tiền	111		76.453.568.093	83.579.897.890
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.000.000.000	96.632.719.777
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.889.625.000	13.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	41.889.625.000	13.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		228.238.185.745	187.881.915.147
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.198.613.200	32.830.223.227
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.704.139.108	1.832.350.807
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	43.400.000.000	23.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	152.100.267.049	129.984.174.725
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		15.735.688.700	16.595.123.515
1. Hàng tồn kho	141	V.7	15.735.688.700	16.595.123.515
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.328.841.755	14.742.140.999
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.630.839.328	1.733.081.800
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.698.002.427	13.009.059.199
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		812.234.608.794	822.171.924.255
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000.000	45.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	45.000.000.000	45.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		503.306.849.066	503.557.362.186
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	500.403.101.599	500.322.336.641
<i>Nguyên giá</i>	222		902.163.897.702	864.720.001.913
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(401.760.796.103)	(364.397.665.272)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.903.747.467	3.235.025.545
<i>Nguyên giá</i>	228		6.541.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.637.577.769)	(3.306.299.691)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	4.907.469.991	11.243.087.335
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.907.469.991	11.243.087.335
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	258.761.596.029	261.926.397.014
1. Đầu tư vào công ty con	251		270.622.700.000	270.622.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.355.970.471)	(10.191.169.486)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		258.693.708	445.077.720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	258.693.708	445.077.720
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.252.880.518.087	1.235.103.721.583

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		321.985.392.764	295.306.230.413
I. Nợ ngắn hạn	310		185.159.574.469	145.682.965.834
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	24.362.334.260	26.473.362.894
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.820.000	1.820.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.893.946.198	7.053.292.233
4. Phải trả người lao động	314		3.109.792.872	5.384.825.584
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.150.895.410	1.324.700.399
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	1.688.201.959	1.956.766.916
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	71.241.575.074	36.158.498.199
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	48.288.889.049	47.608.779.962
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	27.422.119.647	19.720.919.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		136.825.818.295	149.623.264.579
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	35.000.000.000	35.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	101.825.818.295	114.623.264.579
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		930.895.125.323	939.797.491.170
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	930.895.125.323	939.797.491.170
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.606.612.922	115.606.612.922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(22.905.485.178)	(14.920.919.678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		235.778.070.809	206.901.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		114.588.416.770	144.383.217.117
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		58.007.419.117	144.383.217.117
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		56.580.997.653	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.252.880.518.087	1.235.103.721.583

Lập, ngày 19 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thanh Hào

Trần Thị Thanh Hào

Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	263.735.522.129	260.317.132.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		263.735.522.129	260.317.132.873
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	192.493.736.063	191.283.646.266
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.241.786.066	69.033.486.607
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.775.230.933	22.407.329.563
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.083.584.149	6.763.235.901
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.356.742.500	3.855.659.210
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	10.250.914.785	10.961.112.745
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.682.518.065	73.716.467.524
11. Thu nhập khác	31	VI.6	300.120.282	1.144.199.265
12. Chi phí khác	32	VI.7	236.947.549	4.805.538
13. Lợi nhuận khác	40		63.172.733	1.139.393.727
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.745.690.798	74.855.861.251
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	7.164.693.145	7.511.164.195
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>56.580.997.653</u>	<u>67.344.697.056</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 19 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Hảo

Trần Thị Thanh Hảo

Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	63.745.690.798	74.855.861.251
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	38.689.575.437	36.088.838.725
- Các khoản dự phòng	03 V.2b	3.164.800.985	2.300.312.514
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	480.256.844	504.541.572
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.750.839.915)	(21.821.784.048)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	4.356.742.500	3.855.659.210
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	100.686.226.649	95.783.429.224
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(35.882.549.343)	(32.382.765.019)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	859.434.815	(14.153.294.397)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(18.751.762.535)	58.028.997.980
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.354.935.574	(4.570.658.687)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.276.727.718)	(3.258.997.335)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.14	(4.781.304.030)	(4.558.702.244)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.404.800.000)	(6.348.743.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	37.803.453.412	88.539.266.522
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(16.174.587.535)	(129.008.629.217)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(63.389.625.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	15.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(294.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.586.091.525	22.132.411.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(59.978.121.010)	(107.170.217.684)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(7.984.565.500)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.17	16.045.452.215	52.134.776.942
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17a	(28.516.635.297)	(28.141.671.268)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(72.308.847.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.455.748.582)	(48.315.741.326)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(42.630.416.180)	(66.946.692.488)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	180.212.617.667	184.928.446.586
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(128.633.394)	12.276.525
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	137.453.568.093	117.994.030.623

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 19 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tại thời điểm cuối kỳ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,89%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 72 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 73 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	610.882.143	580.094.292
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.842.685.950	82.999.803.598
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	61.000.000.000	96.632.719.777
Cộng	<u>137.453.568.093</u>	<u>180.212.617.667</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	270.622.700.000	(13.355.970.471)	270.622.700.000	(10.191.169.486)
Công ty TNHH Cảng Hải An ⁽ⁱ⁾	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	139.622.700.000	(13.355.970.471)	139.622.700.000	(10.191.169.486)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ^(iv)	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500	-	866.500	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
Cộng	272.117.566.500	(13.355.970.471)	272.117.566.500	(10.191.169.486)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.
- (iv) Theo Nghị quyết số 0310-2018/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng quản trị, Công ty đầu tư thêm 29.400 cổ phần Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC) (số cổ phần được phân bổ cho cổ đông hiện hữu để nâng số cổ phần sở hữu lên 149.400 cổ phần. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 149.400 cổ phần HAFC, chiếm 36,89% vốn điều lệ, không thay đổi so với đầu năm.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	10.191.169.486	5.126.917.089
Trích lập dự phòng bổ sung	3.164.800.985	2.300.312.514
Số cuối kỳ	13.355.970.471	7.427.229.603

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Doanh thu khai thác cảng Công ty con thu hộ	111.237.844.805	97.062.750.870
Phí quản lý cảng phải trả cho Công ty con	18.763.077.204	17.506.011.787
Thuê văn phòng của Công ty mẹ	144.013.636	-
Phí cấp nước ngọt của Cảng Hải An	45.510.000	-
Phí quản lý tòa nhà của Cảng Hải An	82.000.000	-
Công ty con chia lợi nhuận	4.991.028.622	3.221.677.917
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	50.943.658.378	33.961.992.622
Công ty con cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	10.037.590.750	7.368.562.500
Thu tiền góp vốn theo hợp đồng BCC của Công ty con	-	10.000.000.000
Công ty con phân chia lãi BCC	6.642.092.645	7.774.998.895
Công ty con chia lợi nhuận	-	15.150.000.000
Công ty TNHH Pan Hải An		
Cho Công ty con vay	5.000.000.000	-
Thu tiền gốc cho vay từ Công ty con	15.000.000.000	-
Thu tiền lãi cho vay từ Công ty con	583.166.666	-
Công ty con cung cấp dịch vụ Cảng	-	694.757.217
Công ty con cho thuê xe nâng	2.550.000.000	-
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ cho Công ty con	18.224.000	707.097.500
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Chuyển tiền góp vốn cho Công ty liên kết	-	294.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	1.367.871.548	21.000.000
Thu tiền góp vốn theo hợp đồng BCC của Công ty liên kết	-	5.000.000.000
Công ty liên kết chia lợi nhuận	747.000.000	1.337.532.990

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	25.799.315.465	25.827.834.366
Công ty TNHH Cảng Hải An	3.784.661.142	10.813.645.524
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.309.772.823	14.138.000.731
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	763.962.666	404.388.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	528.683.182	39.139.998
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	412.235.652	432.660.113
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	3.399.297.735	7.002.388.861
Các khách hàng khác	3.399.297.735	7.002.388.861
Cộng	<u>29.198.613.200</u>	<u>32.830.223.227</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Wartsila Water Systems Limited	2.635.265.394	1.136.372.466
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải tại Thành phố Hải Phòng	350.000.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Unico Vina	411.840.000	-
Các nhà cung cấp khác	307.033.714	345.978.341
Cộng	<u>3.704.139.108</u>	<u>1.832.350.807</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	13.400.000.000	23.400.000.000
Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱ⁾	13.400.000.000	23.400.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	30.000.000.000	-
Ông Lê Phong Hiếu ⁽ⁱⁱ⁾	30.000.000.000	-
Cộng	<u>43.400.000.000</u>	<u>23.400.000.000</u>

(i) Khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An vay với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 24 tháng, thời gian ân hạn là 01 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay (ngày 19 tháng 11 năm 2019) và có thể gia hạn tối đa thêm 24 tháng. Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể sau khi hết thời gian ân hạn là 01 năm kể từ ngày liền sau của ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay.

(ii) Khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuế đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng từ ngày 12 tháng 5 năm 2020, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	22.625.871.064	-	10.941.652.613	-
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	5.917.656.218	-	926.627.596	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Kết quả hoạt động BCC	16.518.515.759	-	9.876.423.114	-
Thành viên Hội đồng quản trị	189.699.087	-	138.601.903	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	129.474.395.985	-	119.042.522.112	-
Lãi tiền gửi dự thu	886.692.098	-	712.972.330	-
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án ⁽ⁱ⁾	124.423.676.376	-	92.763.292.500	-
Đặt cọc để nhận chuyển nhượng Bất động sản ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	22.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	2.088.929.109	-	2.065.986.820	-
Tạm ứng	863.249.700	-	688.040.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.211.848.702	-	812.230.462	-
Cộng	152.100.267.049	-	129.984.174.725	-

(i) Là khoản đặt cọc cho Ông Lê Phong Hiếu và Bà Đỗ Thị Hải Yến theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

(ii) Theo hợp đồng đặt cọc ngày 24 tháng 12 năm 2019 và phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01 ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty và Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là “MHC”), Công ty đã đặt cọc cho MHC số tiền 22.000.000.000 VND để tiến tới việc thỏa thuận và ký kết Hợp đồng chuyển nhượng “Bất động sản” là Tòa nhà Hải An. Ngày 20 tháng 01 năm 2020, Công ty đã có Công văn số 1601-2020/CV-HATS về gia hạn thời gian thẩm định điều kiện chuyển nhượng Tòa nhà Hải An đến ngày 28 tháng 02 năm 2020 và được MHC chấp thuận. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, 2 bên đã hoàn thành xong việc bàn giao Tòa nhà.

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con (“Bên kiểm soát”) về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tải sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh này như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ Lệ %</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45.000.000.000	56,25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (bên kiểm soát)	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	6,25%
Cộng	80.000.000.000	100,00%

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	15.673.112.335	-	16.481.256.242	-
Công cụ, dụng cụ	62.576.365	-	113.867.273	-
Cộng	15.735.688.700	-	16.595.123.515	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dầu nhờn	974.633.716	1.234.185.400
Chi phí bảo hiểm	932.226.259	349.024.404
Phí đường bộ	42.661.000	85.871.996
Chi phí thuê văn phòng	195.910.562	64.000.000
Chi phí nạo vét	3.485.407.791	-
Cộng	5.630.839.328	1.733.081.800

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bản quyền phần mềm	-	47.497.230
Công cụ dụng cụ	217.558.704	315.310.488
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	41.135.004	82.270.002
Cộng	258.693.708	445.077.720

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	199.026.384.869	273.325.832.155	370.670.476.353	775.938.182	20.921.370.354	864.720.001.913
Mua trong kỳ	25.000.000.000 (*)	12.443.895.789	-	-	-	37.443.895.789
Số cuối kỳ	224.026.384.869	285.769.727.944	370.670.476.353	775.938.182	20.921.370.354	902.163.897.702
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	25.772.685.269	3.172.619.411	-	113.845.455	-	29.059.150.135
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	117.524.765.442	204.541.456.163	35.521.535.527	497.788.740	6.312.119.400	364.397.665.272
Khấu hao trong kỳ	5.264.329.036	14.725.335.961	16.240.217.724	81.367.098	1.051.881.012	37.363.130.831
Số cuối kỳ	122.789.094.478	219.266.792.124	51.761.753.251	579.155.838	7.364.000.412	401.760.796.103
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	81.501.619.427	68.784.375.992	335.148.940.826	278.149.442	14.609.250.954	500.322.336.641
Số cuối kỳ	101.237.290.391	66.502.935.820	318.908.723.102	196.782.344	13.557.369.942	500.403.101.599
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 352.456.802.535 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

(*) Trong kỳ, Công ty đã mua tòa nhà văn phòng điều hành bãi Container Hải An – công trình xây dựng gắn liền với diện tích 4.369,8m² đất thuê theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm tại địa chỉ phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Công ty đang làm các thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Thời gian khấu hao của tài sản này đang được tạm xác định theo thời gian thuê đất còn lại là 13 năm. Thời gian khấu hao có thể thay đổi theo thời gian thuê đất thực tế còn lại, thể hiện trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp cho công ty sau này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Số cuối kỳ	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.250.218.013	1.056.081.678	3.306.299.691
Khấu hao trong kỳ	70.643.076	260.635.002	331.278.078
Số cuối kỳ	2.320.861.089	1.316.716.680	3.637.577.769
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.694.797.223	540.228.322	3.235.025.545
Số cuối kỳ	2.624.154.147	279.593.320	2.903.747.467
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	11.152.632.790	27.100.077.679	(37.443.895.789)	-	808.814.680
Xây dựng cơ bản dở dang	90.454.545	9.802.424.253	-	(7.066.309.090)	2.826.569.708
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.272.085.603	-	-	1.272.085.603
Cộng	11.243.087.335	38.174.587.535	(37.443.895.789)	(7.066.309.090)	4.907.469.991

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.877.115.742	2.327.490.612
Công ty TNHH Pan Hải An	456.046.778	1.138.791.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	799.241.756	1.132.654.027
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	621.827.208	56.045.585
Phải trả các nhà cung cấp khác	22.485.218.518	24.145.872.282
Triton Container International Ltd.,	2.237.768.348	2.385.083.104
Công ty Cổ phần Thương mại Nạo vét và Xây dựng Hùng Dũng	5.147.058.000	-
ForkliftCenter Rental B.V	-	8.921.523.520
Các nhà cung cấp khác	15.100.392.170	12.839.265.658
Cộng	24.362.334.260	26.473.362.894

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	627.209.726	2.427.208.554	(2.504.896.798)	549.521.482
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.056.056.495	(1.056.056.495)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.781.304.030	6.352.593.591	(4.781.304.030)	6.352.593.591
Thuế thu nhập cá nhân	1.644.778.477	1.899.586.693	(2.552.534.045)	991.831.125
Tiền thuê đất	-	1.842.125.878	(1.842.125.878)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	7.053.292.233	13.582.571.211	(12.741.917.246)	7.893.946.198

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2011 đến năm 2025) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm (từ năm 2011 đến năm 2014), giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023) theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63.745.690.798	74.855.861.251
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	49.318.120	184.725.895
- Các khoản điều chỉnh tăng	49.318.120	184.725.895
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	63.795.008.918	75.040.587.146
Thu nhập được miễn thuế	(5.738.072.622)	(18.371.677.917)
Thu nhập tính thuế	58.056.936.296	56.668.909.229
<i>Trong đó:</i>		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	29.644.627.426	25.484.117.668
- Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi	8.712.104.510	13.913.918.372
- Hoạt động khai thác tàu	19.700.204.360	17.270.873.189
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	11.611.387.259	11.333.781.846
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(2.964.462.743)	(2.548.411.767)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.482.231.371)	(1.274.205.884)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.164.693.145	7.511.164.195
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(812.099.554)	(2.199.127.741)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.352.593.591	5.312.036.454

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	1.029.996.836	1.057.731.649
Chi phí bảo hiểm thân tàu	-	106.779.250
Chi phí môi giới	120.898.574	160.189.500
Cộng	1.150.895.410	1.324.700.399

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	5.762.716.869	2.494.406.589
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – lãi hợp tác kinh doanh	1.568.843.279	599.527.942
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức - lãi hợp tác kinh doanh	1.568.843.279	674.748.381
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An – lãi hợp tác kinh doanh	-	44.163.714
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà – lãi hợp tác kinh doanh	1.568.843.279	599.527.942
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An – lãi hợp tác kinh doanh	786.187.032	300.438.610
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	270.000.000	276.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	65.478.858.205	33.664.091.610
Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh	-	30.477.701
Công ty Cổ phần Transimex - lãi hợp tác kinh doanh	-	100.276.373
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - lãi hợp tác kinh doanh	-	25.898.150
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	17.438.230.584	32.866.011.150
Kinh phí công đoàn	182.693.899	173.458.514
Cổ tức phải trả	47.811.748.000	418.950.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	46.185.722	49.019.722
Cộng	71.241.575.074	36.158.498.199

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	35.000.000.000	35.000.000.000

- (*) Là khoản phải trả về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 8 tháng 5 năm 2019 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh này như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ Lệ %</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (bên kiểm soát)	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,68%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	13,33%
Cộng	75.000.000.000	100%

17. Vay ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	8.238.915.067	7.861.226.074
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	8.238.915.067	7.861.226.074
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	40.049.973.982	39.747.553.888
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	3.274.480.677	4.035.629.063
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	36.775.493.305	35.711.924.825
Cộng	48.288.889.049	47.608.779.962

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2019/VCB-HAIAN ngày 20 tháng 12 năm 2019, hạn mức vay là 30.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 4 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	7.861.226.074	39.747.553.888	47.608.779.962
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	8.238.915.067	-	8.238.915.067
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	20.910.865.712	20.910.865.712
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(7.861.226.074)	(20.655.409.223)	(28.516.635.297)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	46.963.605	46.963.605
Số cuối kỳ	8.238.915.067	40.049.973.982	48.288.889.049

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	100.575.598.265	112.130.102.609
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱ⁾	1.250.220.030	2.493.161.970
Cộng	101.825.818.295	114.623.264.579

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTĐ/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HDCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 2 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelit GMBH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	40.049.973.982	39.747.553.888
Trên 1 năm đến 5 năm	101.825.818.295	114.623.264.579
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>141.875.792.277</u>	<u>154.370.818.467</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	114.623.264.579	97.115.754.668
Số tiền vay phát sinh	7.806.537.148	37.620.936.429
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(20.910.865.712)	(19.762.752.712)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	306.882.280	520.502.710
Số cuối kỳ	<u>101.825.818.295</u>	<u>115.494.441.095</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	15.126.475.213	5.775.000.000	(860.000.000)	20.041.475.213
Quỹ thưởng Ban điều hành công ty	4.594.444.434	4.331.000.000	(1.544.800.000)	7.380.644.434
Cộng	19.720.919.647	10.106.000.000	(2.404.800.000)	27.422.119.647

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	179.564.070.809	136.684.452.492	904.761.726.545
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	67.344.697.056	67.344.697.056
Trích lập các quỹ	-	-	-	27.337.000.000	(36.905.000.000)	(9.568.000.000)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(72.314.547.000)	(72.314.547.000)
Số dư cuối kỳ trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	206.901.070.809	94.809.602.548	890.223.876.601
Số dư đầu năm nay	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	206.901.070.809	144.383.217.117	939.797.491.170
Mua lại cổ phiếu đã phát hành ^(*)	-	-	(7.984.565.500)	-	-	(7.984.565.500)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	56.580.997.653	56.580.997.653
Trích lập các quỹ	-	-	-	28.877.000.000	(38.983.000.000)	(10.106.000.000)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(47.392.798.000)	(47.392.798.000)
Số dư cuối kỳ này	487.827.510.000	115.606.612.922	(22.905.485.178)	235.778.070.809	114.588.416.770	930.895.125.323

(*) Công ty mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0203A-2020/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 3 năm 2020. Việc mua lại đã được hoàn thành vào ngày 2 tháng 5 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	487.827.510.000	487.827.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	115.606.612.922	115.606.612.922
Cổ phiếu quỹ	(22.905.485.178)	(14.920.919.678)
Cộng	<u>580.528.637.744</u>	<u>588.513.203.244</u>

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.782.751	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.389.953	573.053
- Cổ phiếu phổ thông	1.389.953	573.053
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.392.798	48.209.698
- Cổ phiếu phổ thông	47.392.798	48.209.698

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 0206-2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 47.392.798.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 28.877.000.000
• Trích quỹ Ban điều hành	: 4.331.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.775.000.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	846.700,76	1.316.943,03
Euro (EUR)	40,54	40,54

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	125.087.181.362	116.174.121.439
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	102.156.883.569	102.775.544.908
Trong đó:		
<i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD</i>	<i>60.105.884.278</i>	<i>66.797.707.429</i>
<i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD</i>	<i>14.533.088.041</i>	<i>6.024.672.165</i>
<i>Doanh thu khai thác tàu Hải An Link</i>	<i>27.517.911.250</i>	<i>29.953.165.314</i>
Doanh thu hoạt động khác	36.491.457.198	41.367.466.526
Cộng	263.735.522.129	260.317.132.873

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.822.654.528	1.359.609.058
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	13.090.909	241.482.819
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	6.700.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	933.023.982	1.082.146.597
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	588.076.181	-

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động cảng	85.066.825.864	80.322.140.729
Giá vốn của hoạt động tàu	78.538.211.746	82.166.898.795
Trong đó:		
<i>Giá vốn của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD</i>	<i>51.530.307.769</i>	<i>56.043.413.470</i>
<i>Giá vốn của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD</i>	<i>8.326.304.713</i>	<i>5.925.907.827</i>
<i>Giá vốn khai thác tàu Hải An Link</i>	<i>18.681.599.264</i>	<i>20.197.577.498</i>
Giá vốn của hoạt động khác	28.888.698.453	28.794.606.742
Cộng	192.493.736.063	191.283.646.266

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.481.878.461	3.528.574.016
Lãi tiền cho vay	583.166.666	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.738.072.622	18.371.677.917
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	972.113.184	504.686.675
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.390.955
Cộng	10.775.230.933	22.407.329.563

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.356.742.500	3.855.659.210
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	3.164.800.985	2.300.312.514
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	81.783.820	100.331.650
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	480.256.844	506.932.527
Cộng	8.083.584.149	6.763.235.901

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.979.611.341	5.261.765.051
Chi phí vật liệu quản lý	155.162.174	229.222.979
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.967.909	39.441.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	933.551.412	983.962.610
Thuế, phí và lệ phí	50.923.000	56.289.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.465.504.697	1.696.558.630
Các chi phí khác	2.656.194.252	2.693.872.657
Cộng	10.250.914.785	10.961.112.745

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền bồi thường	265.933.200	1.044.360.756
Thu nhập khác	34.187.082	99.838.509
Cộng	300.120.282	1.144.199.265

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	2.735.667
Ứng hộ chương trình "Nước cho vùng hạn mặn"	230.000.000	-
Chi phí khác	6.947.549	2.069.871
Cộng	236.947.549	4.805.538

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.572.732.476	38.409.410.004
Chi phí nhân công	18.287.200.179	16.410.492.282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.689.575.437	36.088.838.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.393.102.200	84.622.325.378
Chi phí khác	25.802.040.556	26.300.804.838
Cộng	202.744.650.848	201.831.871.227

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.043.192.310	1.452.830.772
Phụ cấp	222.000.000	198.000.000
Tiền thưởng	1.320.500.284	2.446.314.664
Cộng	2.585.692.594	4.097.145.436

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	2.433.135.628	2.279.591.595
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Phải trả về cổ tức	5.567.500.000	8.351.250.000
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	304.442.416	1.279.504.248
Phí thuê văn phòng	909.750.780	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Phải trả về cổ tức	1.722.060.000	2.583.090.000
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	2.100.000	-
Công ty Cổ phần Cánh đồng xanh		
Phải trả về cổ tức	2.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh đồng xanh		
Phải trả về cổ tức	1.000.000.000	1.500.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.12 và V.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	125.087.181.362	102.156.883.569	36.491.457.198	263.735.522.129
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.087.181.362	102.156.883.569	36.491.457.198	263.735.522.129
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	40.020.355.498	23.618.671.823	7.602.758.745	71.241.786.066
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.250.914.785)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				60.990.871.281
Doanh thu hoạt động tài chính				10.775.230.933
Chi phí tài chính				(8.083.584.149)
Thu nhập khác				300.120.282
Chi phí khác				(236.947.549)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(7.164.693.145)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				56.580.997.653
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.736.115.163	2.624.735.452	25.000.000.000	30.360.850.615
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	20.892.620.946	14.690.956.837	2.136.958.728	37.720.536.511
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	116.174.121.439	102.775.544.908	41.367.466.526	260.317.132.873
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.174.121.439	102.775.544.908	41.367.466.526	260.317.132.873

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.851.980.710	20.608.646.113	12.572.859.784	69.033.486.607
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.961.112.745)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				58.072.373.862
Doanh thu hoạt động tài chính				22.407.329.563
Chi phí tài chính				(6.763.235.901)
Thu nhập khác				1.144.199.265
Chi phí khác				(4.805.538)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(7.511.164.195)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				67.344.697.056
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	317.544.545	128.753.013.854		129.070.558.399
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	21.725.478.932	12.726.361.683	2.103.806.064	36.555.646.679

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	183.318.386.476	395.553.785.048	23.392.715.590	602.264.887.114
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				650.615.630.973
Tổng tài sản				1.252.880.518.087
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	17.648.928.941	170.036.595.399	12.260.041.257	199.945.565.597
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				122.039.827.167
Tổng nợ phải trả				321.985.392.764
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	534.735.843.950	421.277.313.579	44.596.048.312	1.000.609.205.841
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				234.494.515.742
Tổng tài sản				1.235.103.721.583
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	19.847.596.868	191.171.822.160	51.295.824.997	262.315.244.025
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				32.990.986.388
Tổng nợ phải trả				295.306.230.413

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 19 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

HEAD OFFICE

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879
Fax: 024. 3 736 7869
kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban
Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 2 465 151
Fax: 0258. 2 465 806
kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

I5-13 Vo Nguyen Giap St.,
Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995
Fax: 0292. 3 764 996
kttv.ct@a-c.com.vn